

**Mọi góp ý gửi về ông Nguyễn Hoa Nam số điện thoại 0967.478.478
TP KTKĐCLGD-CNTT, Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk
theo địa chỉ email: phongktd.sodaklak@moet.edu.vn**
DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành giáo dục và đào tạo
tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020**

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ pháp lý

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg, ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2663/QĐ-BGDĐT, ngày 25/7/2014 Ban hành Kế hoạch hành động của ngành giáo dục Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ vào tình hình thực tế phát triển công nghệ thông tin trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

PHẦN THỨ NHẤT

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK

I. Thực trạng

1. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. (số liệu đến 30/6/2015).

- Toàn ngành có 35.729 người, trong đó đội ngũ giáo viên Tin học 1077 người và nhân viên 5.939 người.

- Số cán bộ, viên chức mầm non 6.833 người, trong đó giáo viên tin học 37 người.

- Số cán bộ, viên chức tiểu học 14.753 người, trong đó giáo viên tin học 294 người.

- Số cán bộ, viên chức THCS 9.947 người, trong đó giáo viên tin học 481 người.

- Số cán bộ, viên chức THPT 4.294 người, trong đó giáo viên tin học 236 người.

- Số cán bộ, viên chức GDTX 482 người, trong đó giáo viên tin học 29 người.

- Số cán bộ giáo viên biết sử dụng CNTT phục vụ nhiệm vụ chuyên môn hàng ngày đạt tỷ lệ khoảng 50% - 60% và hầu hết là số giáo viên trẻ.

- Trình độ đội ngũ theo qui định đối với điều lệ các cấp học, có xu hướng tỷ lệ trên chuẩn ngày càng tăng.

2. Số liệu về trường, lớp, học sinh

- Theo số liệu thống kê đến tháng 6 năm 2015 toàn tỉnh có 987 trường và 15 trung tâm giáo dục thường xuyên. Có 453.153 học sinh, 17.786 lớp học, trong đó Mầm non 82.700 học sinh, 279 trường và 3.196 lớp, tỷ lệ lớp có máy tính sử dụng phần mềm mầm non 37lớp/3.196 lớp ; Tiểu học 175.576 học sinh, có 422 trường và 7580 lớp, tỷ lệ lớp học tin học 63,7% (ở các lớp 3,4,5); THCS 124.757 học sinh, có 232 trường và 4.221 lớp tỷ lệ học tin học 88,8%; THPT 64.095 học sinh, có 54 trường và 1.616 lớp, tỷ lệ học tin học 100%; Trung tâm GDTX 6.122 học viên, có 15 trung tâm và 174 lớp, tỷ lệ học nghề, chứng chỉ A, B 67,27%.

3. Đào tạo tin học

- Hiện nay, đào tạo tin học trong ngành đã triển khai ở 100% trường THPT và trung tâm GDTX có dạy tin học chính khoá, nghề phổ thông và chứng chỉ A,B; có 217/232 trường THCS có phòng máy tính thực hành và tổ chức dạy tin học 2 tiết/1 tuần; 203/419 trường tiểu học có phòng máy thực hành; có 16/263 trường mầm non có máy tính phục vụ dạy học cho học sinh.

- Các máy tính thực hành ở cấp học học đa phần được trang bị từ những năm 2010 trở về trước nên hiện đã xuống cấp, cấu hình lạc hậu nên sử dụng hệ điều hành mới không còn phù hợp. Hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như các huyện trang bị bổ sung máy tính thực hành từ các nguồn kinh phí hết sức hạn chế.

4. Số liệu màn hình, máy projecto trên lớp học (số liệu hệ công lập)

STT	Cấp học	Máy projecto hiện có trên lớp	Số màn hình LCD 50 inch trở lên hiện có trên lớp	Cộng (cả 2 loại) trên lớp học	Số lớp hiện có	Tỷ lệ hiện có (màn hình/lớp)	Số màn hình còn thiếu
1	Mầm non	60	197	257	2.653	9,7%	2.396
2	Tiểu học	668	182	850	6.922	12,3%	6.072
3	THCS	558	193	751	3.689	19,3%	2.938
4	THPT	347	225	572	1.625	34,6%	1.053
5	GDTX	72	25	97	159	61%	62
	Tổng cộng	1.705	822	2.527		15,13%	12.521

Như vậy số màn hình còn thiếu trang bị trên lớp cho cấp học Mầm non 2.653 cái; cấp Tiểu học là 6.92 cái, cấp THCS 3.689 cái, THPT 1.053 cái...

5. Số liệu máy tính thực hành và quản lý giáo dục (số liệu hệ công lập)

STT	Cấp học	Số máy tính cần	Số máy tính	Số máy tính	Ghi chú
-----	---------	-----------------	-------------	-------------	---------

		có	dạy học hiện có	còn thiếu	
1	Mầm non	2.653	650	2.003	Mỗi lớp một máy tính
2	Tiểu học	8.486	6.439	2.047	20 học sinh / máy
3	THCS	5.981	5.298	683	20 học sinh trên máy
4	DTNT	109	354	0	20 học sinh trên máy
5	THPT	3.045	3.328	0	20 học sinh trên máy
6	GDTX	250	713	0	20 học sinh trên máy
	Tổng cộng	20.524	16.782	4.733	

Như vậy, với Mầm non cần 1 máy tính /1 lớp học, các cấp học còn lại cần 20 học sinh/máy (qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các huyện trang bị bổ sung máy tính thực hành từ các nguồn kinh phí) thì số lượng còn thiếu chủ yếu ở các trường mầm non, tiểu học, THCS.

6. Trình độ tin học của giáo viên giảng dạy tin học

STT	Cấp học	Số trường	Số giáo viên		Trình độ			Trình độ so với yêu cầu
			Đang dạy	Trong biên chế	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	
1	Mầm non	279	37	34	0	12	25	Đạt chuẩn
2	Tiểu học	422	294	153	56	74	164	Đạt chuẩn
3	THCS	232	481	407	298	183	0	Đạt chuẩn
4	THPT	54	236	225	236	0	0	Đạt chuẩn
5	GDTX	15	29	21	29	0	0	Đạt chuẩn
	Tổng cộng	1002	1077	840	619	269	189	

Như vậy, nếu tính ít nhất mỗi trường mầm non, tiểu học cần 01 giáo viên tin học thì số giáo viên dạy tin học ở các cấp này còn thiếu rất nhiều (Mầm non 242 giáo viên, Tiểu học 128 giáo viên).

7. Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học

- Ngành giáo dục và đào tạo đã đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học từ năm học 2008-2009 như : các phần mềm Quản lý nhân sự, Quản lý thi tốt nghiệp, Sắp xếp thời khoá biểu, Quản lý điểm số học sinh qua mạng Internet... bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên phục vụ công tác quản lý và dạy học hiệu quả.

- Một số trường THPT, Trung tâm GDTX (45/69 đơn vị), phòng Giáo dục và Đào tạo (10/15 đơn vị) có triển khai website phục vụ công tác quản lý, dạy học và là cầu nối liên lạc giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhưng còn rời rạc, chưa đảm bảo tính hệ thống. Đa số các trường mầm non, tiểu học, THCS chưa có website. Việc thực hiện thông tư 53/2012 ngày 20/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức hệ thống website tập trung đầu mối về ngành còn khó khăn về kinh phí.

8. Các nguồn vốn đầu tư trong thời gian qua

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo như các trường THPT, Trung tâm GDTX, trường Dân tộc nội trú được đầu tư các trang thiết bị từ nhiều

nguồn vốn khác nhau và đến nay cơ sở vật chất về hạ tầng CNTT tương đối tốt, đáp ứng được tình hình dạy và học cũng như công tác quản lý.

- Đối với các trường thuộc huyện quản lý, hàng năm ngoài nguồn vốn các chương trình mục tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mức độ đầu tư của huyện cho ngành giáo dục tùy theo điều kiện của từng huyện từ 200 triệu đến 3 tỷ đồng, những huyện có mức đầu tư cao cho THCS và tiểu học các huyện Krông Ana, huyện Buôn Đôn, huyện Eakar, huyện CưMgar, huyện Krông Pắc. Bên cạnh đó là công tác xã hội hóa ở vùng thuận lợi, cũng được làm tốt như các huyện Eakar, Krông Ana, Krông Pắc...

II. Đánh giá nguyên nhân hạn chế

- Nhận thức tầm quan trọng ứng dụng CNTT của một bộ phận cán bộ quản lý các cấp, giáo viên có chuyển biến nhưng còn chậm, chưa đầy đủ, chưa đồng bộ; chưa đánh giá đúng vai trò ứng dụng CNTT trong điều hành quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT như: Máy tính thực hành, màn hình lớn trên lớp học, thiết bị kết nối mạng, khai thác các ứng dụng CNTT trên Internet còn hạn chế, chưa đủ đáp ứng kịp thời so với nhu cầu của các cấp học, bậc học. Đặc biệt, điều kiện trang bị bổ sung thiết bị máy tính thực hành, thiết bị CNTT thực hiện bài giảng ứng dụng CNTT hằng năm của các trường mầm non, tiểu học còn nhiều bất cập, hầu hết các trường mầm non không có máy tính để sử dụng các phần mềm dạy học cho trẻ .

- Thiết bị CNTT và phần mềm ứng dụng phát triển nhanh, một bộ phận giáo viên chưa tiếp cận kịp theo sự phát triển CNTT, chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học cổ điển; trình độ, khả năng ứng dụng CNTT của giáo viên không đồng đều ở các môn học và địa bàn giữa thành phố, thị xã, thị trấn, vùng sâu.

III. Sự cần thiết đầu tư

Trên cơ sở quán triệt và triển khai thực hiện các Quyết định, Chỉ thị của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) và ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy, quản lý giáo dục, ngành giáo dục và đào tạo của Tỉnh đã thực hiện đầy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý giáo dục và dạy học từ năm 2008 và đạt được những kết quả đáng khích lệ: hệ thống internet đạt 100% kết nối trên gần 1000 cơ sở giáo dục; trên 5000 ngàn giáo án điện tử được đưa lên mạng để phục vụ công tác dạy và học cho giáo viên và học sinh; có nhiều học sinh đạt giải cao môn Tin học cấp quốc gia; thi giải toán Violympic online; thi Tiếng Anh I.O.E qua mạng; trên 70% cán bộ, giáo viên cấp THCS, cấp THPT, GDTX ; 50- 60% cấp tiểu học và mầm non được bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý và dạy học...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, lĩnh vực CNTT trong ngành giáo dục và đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Cụ thể, cơ sở hạ tầng CNTT còn thiếu thốn, thiết bị CNTT các trường THPT, trung tâm GDTX trang bị ở mức độ tối thiểu;

các trường tiểu học và mầm non mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý còn hạn chế, nhất là bậc học mầm non không có thiết bị dạy học; một bộ phận cán bộ, giáo viên ít được bồi dưỡng, khả năng tự học hạn chế nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc cải tiến phương pháp dạy học.

Để khắc phục những hạn chế tồn tại, tiếp tục tạo sự phát triển toàn diện trong giáo dục, nhất là thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, bậc học một cách vững chắc; thực hiện Đề án phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015; góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, phục vụ thiết thực yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, thực hiện chủ trương của Ủy ban Nhân dân tỉnh về kế hoạch Ứng dụng CNTT giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Mục tiêu và yêu cầu

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng được yêu cầu phát triển CNTT; thực hiện kế hoạch của Tỉnh xây dựng hệ thống trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2020; Thực hiện phổ cập tin học cho học sinh của các cấp học, bậc học theo mục tiêu đề ra tại Quyết định 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có phẩm chất đạo đức chính trị, năng động, sáng tạo, khả năng chuyên môn giỏi, có trình độ tin học đáp ứng được yêu cầu công tác, hỗ trợ thiết thực đổi mới: quản lý giáo dục, phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở dữ liệu và các phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu quản lý và nhu cầu học tập của xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a. Giáo dục mầm non

- Phần đầu đạt 100% trường mầm non có thiết bị CNTT phục vụ công tác dạy học với mức độ tối thiểu 1 máy/lớp.

- 100% các lớp học được trang bị màn hình trình chiếu từ 50 inch trở lên.

- 100% trường mầm non được nối mạng Internet tốc độ cao, ứng dụng CNTT quản lý hoạt động trường mầm non, khai thác phần mềm phục vụ cho công tác quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ.

- Mở rộng việc ứng dụng CNTT vào công tác chăm sóc và giáo dục trẻ; 80% cán bộ giáo viên mầm non đạt trình độ A tin học trở lên; 60% cán bộ, giáo viên biết ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và dạy học, triển khai sử dụng chương trình Kidsmart cho các trường mầm non.

b. Giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên

- Cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, khai thác thành thạo Internet hỗ trợ công tác chuyên môn: cấp tiểu học là 80%, trung học cơ sở là 85%; trung học phổ thông, trung tâm GDTX, các trường DTNT huyện là 100%.

- 100% trường THPT, trường Dân tộc nội trú huyện và trung tâm GDTX (các trường trực thuộc sở) có tối thiểu 20 học sinh/máy, phòng máy tính thực hành có đủ máy tính, có màn hình rộng từ 50 inch trở lên để giảng dạy, máy chủ có cài đặt đầy đủ các phần mềm hỗ trợ dạy học, có kết nối Internet băng thông rộng;

- 100% các lớp học được trang bị màn hình trình chiếu (hoặc tương đương) từ 50 inch trở lên.

- 100% các trường học sớm chuyển đổi kết nối internet băng thông rộng nhằm phục vụ giảng dạy và học tập, nhất là khai thác dữ liệu phục vụ dạy học, tổ chức các chương trình thi online trên mạng (như Tiếng Anh I.O.E; Violympic Toán...; thi thử tốt nghiệp, đại học; giáo viên thực hiện nhập điểm, học sinh tra cứu điểm trên mạng vv...

- Tăng cường phát triển hệ thống website của các cơ sở giáo dục: phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THPT và một số trung tâm GDTX trọng điểm.

- Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học cho giáo viên, cán bộ quản lý theo hướng thực tế, hiệu quả; có định hướng nâng cao kỹ năng khai thác Internet, kỹ năng soạn thảo bài giảng điện tử, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ phục vụ dạy học...

- Đối với học sinh có học tin học: 100% học sinh tiểu học sau biết: soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm đồ họa, truy cập Internet; học sinh THCS, THPT nắm vững kiến thức máy tính, soạn thảo văn bản, khai thác Internet và làm quen với lập trình đơn giản, đối với học sinh giỏi THPT tham gia dự thi vào đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

II. Các nhiệm vụ cụ thể

1. Nâng cao nhận thức cán bộ quản lý, giáo viên về phát triển CNTT

- Tổ chức quán triệt các văn bản: Quyết định, Chỉ thị, Thông tư, Kế hoạch phát triển CNTT của Đảng, Nhà Nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đến từng cán bộ quản lý, giáo viên của từng cấp học, bậc học ngay từ đầu năm học, học kỳ.

- Các đơn vị trường học xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo tin học và ứng dụng CNTT theo kế hoạch, chương trình học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và những điều kiện thực tế của nhà trường phù hợp với khả năng thực hiện, đảm bảo tính khả thi.

- Các cấp quản lý giáo dục thường xuyên có văn bản chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và giảng dạy.

2. Trang bị bổ sung thiết bị, phần mềm CNTT, qui mô phát triển

a. Đối với mầm non

- Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống CNTT đủ phục vụ công tác văn phòng, kết nối Internet, phần mềm phục vụ công tác quản lý, chăm sóc trẻ.

- Tiếp tục đầu tư hỗ trợ thiết bị CNTT cho phòng chức năng để nâng tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, hiện tại là 17% đến năm 2020 là 60 %,

- Thực hiện Quyết định số 1541/QĐ-UBND về Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015.

- Đến hết 2015, 100% các trường mầm non có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng; 100% các trường tự đánh giá công tác kiểm định chất lượng giáo dục công khai trên phần mềm trực tuyến.

- Đến 2017, 45% trường mầm non có máy tính, màn hình LCD triển khai phần mềm Kidsmart phục vụ công tác giảng dạy và chăm sóc trẻ, trong đó chú ý đầu tư máy tính một số trường trọng điểm, trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2020, 100% các trường mầm non đủ 1 máy tính, 1 màn hình LCD trên lớp để đảm bảo cho 100% số trẻ được học thông qua các chương trình phần mềm dạy học theo hướng học từ trực quan sinh động đến nhận thức (lối học mà chơi, chơi mà học).

b. Đối với cấp tiểu học

- Năm 2016 tiếp tục đầu tư hỗ trợ thiết bị CNTT cho phòng chức năng; tập trung ưu tiên cho các trường tiểu học đã đạt chuẩn Quốc gia, hiện tại trường chuẩn Quốc gia 41,4% đến 2020 là 80%, trường trọng điểm, trường dạy 2 buổi/ ngày.

- Đến 2017, có 290/422 các trường tiểu học có phòng máy thực hành kết nối Internet và tổ chức dạy tin học cho học sinh tiểu học, ưu tiên triển khai dạy tin học cho các trường tiểu học đăng ký theo kế hoạch đạt chuẩn Quốc gia.

- Đến 2020, có 100% các trường tiểu học có phòng máy thực hành kết nối Internet và tổ chức dạy tin học cho học sinh tiểu học; Trang bị màn hình LCD cho 100% lớp học để phục vụ dạy học các bài giảng ứng dụng CNTT và từng bước trang bị các bảng tương tác thông minh.

- Đầu tư thiết bị CNTT, phục vụ khai thác hệ thống phần mềm quản lý trường học, dữ liệu dùng chung về giáo dục phổ thông tại một số trường tiểu học địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn theo nhiều nguồn vốn khác nhau.

- Phát triển thư viện điện tử 80% các trường và 100% quản lý thư viện trên hệ thống máy tính theo phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai ứng dụng phần mềm sổ liên lạc trực tuyến cho 70% trường tiểu học.

c. Đối với cấp trung học và giáo dục thường xuyên

- Tiếp tục đầu tư hỗ trợ thiết bị CNTT cho phòng chức năng; tập trung ưu tiên cho các trường phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia, hiện tại trường chuẩn Quốc gia THCS

30% đến 2020 là 75%, THPT 16,7% đến 2020 là 70%, trường trọng điểm, trường dạy 2 buổi/ ngày.

- Đến 2016, trang bị tiếp cho các trường còn lại để đạt 100% trường THCS có phòng máy tính dạy học.

- Đầu tư thiết bị CNTT bổ sung cho các trường THCS, THPT thay thế thiết bị cũ, lạc hậu, hỏng để đảm bảo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phần đầu đến năm 2016, 100% trường THPT đảm bảo 20 học sinh/máy, THCS 25 học sinh trên máy và các phòng máy tính thực hành kết nối Internet tốc độ cao và có các phần mềm quản lý học tập của từng cá nhân học sinh trong giờ học.

- Đến 2017, 100% các trường THCS có phòng máy dạy học và đạt 22 học sinh trên máy và 50% lớp học có màn hình LCD trên lớp.

- Đến 2020, trang bị thiết bị CNTT hiện đại (activboard, LCD...) phục vụ bài giảng điện tử và học tập cho 100% các lớp trường THPT, THCS và trung tâm GDTX.

- Phát triển thư viện điện tử, quản lý thư viện trên hệ thống máy tính, có kết nối Internet cho 100% thư viện trường THPT.

- Triển khai ứng dụng CNTT như phần mềm: Quản lý điểm số học sinh trực tuyến, Sắp xếp thời khoá biểu, Quản lý thư viện, Quản lý cơ sở vật chất... thực hiện ở 100% trường THPT, trung tâm GDTX, 90% trường THCS;

- Triển khai sử dụng Sổ liên lạc trực tuyến đạt 80% trường THCS, 100% trường THPT.

3. Nâng cao trình độ tin học của cán bộ quản lý, giáo viên bộ môn; tăng cường giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu CNTT

- Tăng cường nâng cao trình độ tin học cho cán bộ, giáo viên các cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển CNTT, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục triển khai giảng dạy tin học chính khóa, tin học ứng dụng, tin học tự chọn ở các trường phổ thông; khai thác và giảng dạy tin học bằng chương trình mã nguồn mở trong trường phổ thông, đẩy mạnh công tác đào tạo tin học ứng dụng, tập huấn, báo cáo chuyên đề tin học ở các trường phổ thông và trung tâm GDTX.

- Tổ chức chuyên đề ứng dụng CNTT trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

4. Đẩy mạnh một cách hợp lý việc triển khai ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy và học ở từng cấp học

- Triển khai ứng dụng CNTT trong dạy và học, hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy, tích hợp ứng dụng CNTT ngay trong mỗi môn học một cách hiệu quả và sáng tạo ở những nơi có điều kiện thiết bị tin học, xây dựng nội dung thông tin số phục vụ giáo dục, phát huy tính tích cực tự học, tự tìm tòi thông tin qua mạng Internet của người học, cụ thể:

- Tăng cường việc giáo viên soạn giáo án, bài trình chiếu, bài giảng điện tử trên máy tính, khai thác dữ liệu trên Internet; trao đổi kinh nghiệm dạy học qua website của các cơ sở giáo dục và qua diễn đàn giáo dục trên website Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức hội thi “*Thiết kế bài giảng điện tử*”, cập nhật thư viện học liệu mở (thư viện điện tử) trên website của Sở, trường THPT, phòng GDĐT gồm: giáo trình và sách giáo khoa điện tử, đề thi trắc nghiệm, phần mềm dạy học, bài giảng điện tử, giáo án, sáng kiến kinh nghiệm...

- Tăng cường dạy học tích hợp để nâng cao khả năng vận dụng vào thực tiễn cho học sinh.

5. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong điều hành và quản lý giáo dục

- Phát triển hệ thống website Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT, các phòng Giáo dục và Đào tạo và các trung tâm GDTX, tạo điều kiện tốt để cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trao đổi kinh nghiệm, học tập, nghiên cứu đồng thời là cầu nối liên lạc thiết thực giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Đến năm 2016, hoàn chỉnh hệ thống website của Sở Giáo dục và Đào tạo; phát triển 100% website phòng Giáo dục và Đào tạo, 100% website trường THPT, trung tâm GDTX và đến năm 2017 hoàn chỉnh hệ thống website của các đơn vị còn lại theo tinh thần Thông tư 53/2012/TT-BGDĐT ngày 20/12/2012 qui định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục, thống kê thông qua cơ sở dữ liệu dùng chung từ các cơ sở giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trường học cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu: trường lớp, giáo viên, học sinh... công khai cơ sở dữ liệu học sinh trên mạng Internet để tạo cầu nối liên lạc thiết thực giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, báo cáo thống kê trên hệ thống máy tính trực tuyến từ cấp Sở, cấp phòng, cấp trường.

- Khai thác hiệu quả hệ thống email theo tên miền @moet.edu.vn, nâng cấp dung lượng email nội bộ (OMS) đảm bảo thông tin liên lạc xuyên suốt từ Sở Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường các dịch vụ công trực tuyến cấp độ 1,2 liên quan đến giáo dục và đào tạo như thủ tục in sao, điều chỉnh văn bằng, chứng chỉ, công khai hóa cấp bằng tốt nghiệp các cấp, công khai hóa công tác Kiểm định các trường học vv... trên các website của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường học.

- Đẩy mạnh công tác tổ chức hội nghị, hội thảo trực tuyến các cụm huyện, thị xã, thành phố; tập huấn chuyên môn, họp và giảng dạy qua hệ thống Internet bằng các hình thức qua web, đàm thoại...

6. Tổ chức kiểm tra trình độ học sinh học tin học và công tác bồi dưỡng chuyên đề tin học cho giáo viên

- Tổ chức công tác đánh giá kiểm tra trình độ tin học của học sinh có học tin học ở các cấp học.

- Hằng năm, 80% học sinh cấp THPT (lớp 11) đạt chứng chỉ học nghề phổ thông môn tin học văn phòng.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự học nâng cao trình độ tin học của cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo tốt công tác quản lý và dạy học.

7. Huy động xã hội hoá

- Tăng cường công tác huy động các nguồn lực xã hội hoá đóng góp vào công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo qua triển khai sử dụng các phần mềm quản lý trường học trực tuyến.

- Tăng cường công tác huy động các nguồn lực hỗ trợ cho giáo dục, vận động các tổ chức, nhà hảo tâm, phụ huynh đóng góp trang thiết bị dạy học, thiết bị CNTT phục vụ quản lý giáo dục và dạy học.

III. Đánh giá kết quả đạt được sau khi triển khai thực hiện kế hoạch

1. Cấp Mầm non

- Giáo viên sử dụng máy tính để sử dụng các phần mềm dạy học như Kidsmart, các trò chơi, các hình ảnh đồ họa để hình thành nhận thức, kiến thức, nhân cách cho học sinh (theo hình thức học mà chơi, chơi mà học).

2. Cấp Tiểu học

- Có hiểu biết ban đầu về tin học và ứng dụng của tin học trong đời sống và học tập.

- Có khả năng sử dụng máy tính điện tử trong việc học những môn học khác, trong hoạt động, trong vui chơi giải trí nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và tạo điều kiện để trẻ em thích ứng với đời sống xã hội hiện đại.

- Bước đầu làm quen với cách giải quyết vấn đề có sử dụng công cụ tin học.

- Biết sử dụng ban đầu về internet để thực hiện các chương trình thi online trên mạng.

PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Lộ trình đầu tư giai đoạn 2016-2020

1. Cung cấp máy tính dạy học cho các trường:

STT	Cấp học	Số màn hình	SỐ LƯỢNG MÁY TÍNH ĐẦU TƯ HÀNG NĂM				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Mầm non	2003	403	400	400	400	400

2	Tiểu học	2047	410	410	410	410	407
3	THCS	683	140	140	140	140	123
4	THPT	0					
5	GDTX	0					
Tổng cộng		4733	953	950	950	950	930

Kinh phí cấp hàng năm cho từng cấp học:

STT	Cấp học	Số kinh phí cần cấp cho cấp học (tỷ đồng)	Số kinh phí cấp hàng năm (tỷ đồng)				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Mầm non	20,030	4,030	4,000	4,000	4,000	4,000
2	Tiểu học	20,470	4,100	4,100	4,100	4,100	4,070
3	THCS	6,830	1,400	1,400	1,400	1,400	1,230
4	THPT	0					
5	GDTX	0					
Tổng cộng		47,330	9,530	9,500	9,500	9,500	9,300

2. Cung cấp màn hình LCD cho các trường:

STT	Cấp học	Số màn hình (cái)	SỐ LƯỢNG MÀN HÌNH LCD ĐẦU TƯ HÀNG NĂM				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Mầm non	2.396	400	450	500	546	500
2	Tiểu học	6.072	1216	1214	1214	1214	1214
3	THCS	2.938	590	587	587	587	587
4	THPT	1.053	53	250	250	250	250
5	GDTX	62					62
Tổng cộng		12521	2259	2501	2551	2597	2613

Kinh phí cấp hàng năm cho từng cấp học:

STT	Cấp học	Số kinh phí cần cấp cho cấp học (tỷ đồng)	Số kinh phí cấp hàng năm (tỷ đồng)				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Mầm non	59,900	10	11,250	12,500	13,650	12,50
2	Tiểu học	151,800	30,400	30,350	30,350	30,350	30,35
3	THCS	73,450	14,750	14,675	14,675	14,675	14,675
4	THPT	26,325	1,325	6,250	6,250	6,250	6,250
5	GDTX	1,550	-	-	-	-	1,550
Tổng cộng		313,025	56,475	62,525	63,775	64,925	65,325

II. Kinh phí thực hiện bao gồm cả đào tạo và nguồn vốn thực hiện kế hoạch

1) Kinh phí thực hiện

Năm	Nội dung thực hiện	Đơn giá (triệu đồng)	Số tiền/năm (tỷ đồng)
2016	<p>1.Mua thiết bị: Máy tính 953 Mầm non:403 Tiểu học: 410 THCS: 140</p> <p>2.Mua thiết bị màn hình LCD(hoặc tương đương): 2259 màn hình Mầm non: 400 Tiểu học: 1216 THCS : 590 THPT : 53</p> <p>3.Tập huấn chuyên môn mạng, bảo mật, các phần mềm soạn bài giảng điện tử ...cho giáo viên mầm non: 400 giáo viên x 500.000đ/gv = 200 tr</p>	<p>10</p> <p>25</p> <p>200</p>	<p>66,205</p>
2017	<p>1.Mua thiết bị: Máy tính 950 Mầm non:400 Tiểu học: 410 THCS: 140</p> <p>2.Mua thiết bị màn hình LCD(hoặc tương đương): 2501 màn hình Mầm non: 450 Tiểu học: 1214 THCS : 590 THPT : 250</p> <p>3.Tập huấn chuyên môn quản lý ứng dụng tin học cho Cán bộ quản lý tiểu học 417, mầm non 263: 6 80 x 300.000đ/gv = 204 triệu</p>	<p>10</p> <p>25</p> <p>204</p>	<p>72,229</p>
2018	<p>1.Mua thiết bị: Máy tính 950 Mầm non:400 Tiểu học: 410 THCS: 140</p> <p>2.Mua thiết bị màn hình LCD(hoặc tương đương): 2551 màn hình Mầm non: 500 Tiểu học: 1214 THCS : 587 THPT : 250</p> <p>3.Tập huấn chuyên môn mạng, soạn bài giảng điện tử, phần mềm nhập điểm online cho giáo viên không chuyên tin học cho giáo viên mầm non:700 giáo viên x 300.000đ/gv = 210 triệu</p>	<p>10</p> <p>25</p> <p>210</p>	<p>73,485</p>

2019	1.Mua thiết bị: Máy tính 950 Mầm non:400 Tiểu học: 410 THCS: 140	10	74,635
	2.Mua thiết bị màn hình LCD(hoặc tương đương): 2597 màn hình Mầm non: 546 Tiểu học: 1214 THCS : 587 THPT : 250	25	
	3. Tập huấn chuyên môn mạng, soạn bài giảng điện tử, phần mềm nhập điểm online cho giáo viên không chuyên tin học cho giáo viên mầm non:700 giáo viên x 300.000đ/gv = 210 triệu	210	
2020	1.Mua thiết bị: Máy tính 930 Mầm non:400 Tiểu học: 407 THCS: 123	10	74,835
	2.Mua thiết bị màn hình LCD(hoặc tương đương): 2613 màn hình Mầm non: 500 Tiểu học: 1214 THCS : 587 THPT : 250	25	
	3.Tập huấn chuyên môn mạng, bảo mật, soạn bài giảng điện tử ... cho giáo 500 giáo viên tiểu học tiểu học và 200 giáo viên mầm non:700 giáo viên x 300.000đ/gv = 210 triệu	210	
Cộng			

Tổng kinh phí dự toán để thực hiện kế hoạch giai đoạn 2016-2020 là: 361.589.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi một tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu đồng).

Trong đó:

Kinh phí cho tập huấn , bồi dưỡng: **1.234.000.000** đồng.

Kinh phí mua sắm thiết bị :**360.355.000.000** đồng.

2) Phân nguồn vốn thực hiện từ 2016 - 2020

- Ủy ban Nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chi từ các nguồn của tỉnh 50% tổng dự toán, khoảng 180 tỷ đồng (bao gồm cả toàn bộ kinh phí tập huấn, bồi dưỡng).

- Ủy ban Nhân dân các huyện chịu trách nhiệm chi hàng năm trích từ ngân sách 30% tổng dự toán, khoảng 109 tỷ đồng (bình quân mỗi huyện 5 năm 6,7 tỷ đồng).

- Cho phép các vùng thuận lợi vận động nhân dân, các tổ chức, cá nhân theo tinh thần xã hội hóa 20% tổng số dự toán, khoảng 72 tỷ đồng.

- Vùng kinh tế đặc biệt khó khăn khó khăn được cấp 100% kinh phí theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư chương trình 135 của Chính phủ năm 2014 và năm 2015; Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18/12/2013, danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư theo chương trình 135 của Chính phủ);

III. Trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan

1) Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan chủ trì Đề án

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan cụ thể hóa nội dung Đề án thành kế hoạch chi tiết, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trong toàn tỉnh theo hàng năm và từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Nhân dân tỉnh theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan, tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành để chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban Nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về mức biên chế giáo viên tin học; các cơ chế chính sách tuyển dụng, sử dụng; hướng dẫn triển khai công tác bồi dưỡng tin học thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Chủ trì, Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Nội vụ trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch và bố trí biên chế giáo viên, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, kinh phí trang thiết bị theo lộ trình từ năm 2016 -2020.

2) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và ngành, cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án trong lĩnh vực dạy nghề, phù hợp với lộ trình, kế hoạch triển khai chung do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn.

3) Sở kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư các dự án mua sắm trang thiết bị để thực hiện Đề án;

- Phối hợp với Sở tài chính, Sở Giáo và Đào tạo xây dựng kế hoạch và bố trí vốn đầu tư phát triển cho các dự án mua sắm trang thiết bị thuộc nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành và lĩnh vực.

4) Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ban, ngành, phân bổ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi kinh phí thực hiện Đề án theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước

5) Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên tin học phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân đặc biệt là cấp học Mầm non và Tiểu học.

6) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn xã hội về các chương trình đổi mới công tác giáo dục, đào tạo tin học trong hệ thống giáo dục quốc dân, vai trò của công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu mới; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học tin học.

7) Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, Kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo Tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan để chỉ đạo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu, kế hoạch chung về việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh.

8) Các cơ sở giáo dục

- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác Công nghệ thông tin trong cơ sở mình, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, mục tiêu nhiệm vụ mà Kế hoạch đã đặt ra;

- Tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ trong thẩm quyền mà Kế hoạch đã giao;

- Hàng năm có kế hoạch từ ngân sách và các nguồn vốn xã hội hóa để sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm các thiết bị khác (các thiết bị khác ngoài kế hoạch của Đề án) về công nghệ thông tin hiện có.

Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan có trách nhiệm tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 – 2020 như kế hoạch triển khai Đề án đã đề ra./.